

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **102 /2023/DS-ST**
Ngày 23/8/2023
V/v " *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuờ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Trong 23 ngày 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112 /2023/QĐXX - DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST – DS ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: 201/AT2, ấp An Thạnh 2, xã A, huyện B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: 024/AL ấp An Lợi, xã An Bình Tây, huyện B, tỉnh B (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị Hương E, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 76/764 Ngô Quyền, khu phố 6, phường A, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/10/2022 (nhằm ngày 07/9 âm lịch), ông Nguyễn Chí T có vay của bà Lê Thị N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông T cam kết thời hạn 02 ngày sau có nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Việc vay tiền có làm biên nhận do ông T viết và ký tên.

Ngày 16/10/2022 ông T liên lạc qua điện thoại vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, ông T cam kết 01 tuần sau sẽ trả, việc vay tiền hai bên không có làm giấy tờ, chỉ giao dịch qua điện thoại,

ông T nhờ bà N cHển khoản vào số tài khoản 070055340720 của ông T tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ngày 20/10/2022 ông T tiếp tục liên lạc qua điện thoại vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, ông T cam kết 01 tuần sau sẽ trả, việc vay tiền hai bên không có làm giấy tờ, chỉ giao dịch qua điện thoại, ông T nhờ bà N cHển khoản vào số tài khoản 070055340720 của ông T tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Mục đích ông T vay tiền để trả nợ Ngân hàng và làm ăn kinh tế chung trong gia đình. Tổng số tiền ông T còn nợ bà N là 300.000.000 đồng. Ông T vay tiền trong thời kỳ hôn nhân và mục đích để làm ăn kinh tế chung với bà Huỳnh E. Đến hạn trả nợ như thỏa thuận bà N nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T bà Huỳnh E trả nợ nhưng ông bà không thực hiện. Nay bà N yêu cầu ông T bà Huỳnh E có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Huỳnh E trình bày:

Bà không đồng ý liên đới cùng chồng là ông Nguyễn Chí T trả cho bà Lê Thị N trả số tiền 300 triệu đồng, vì ông T vay để xài cá nhân không thông qua ý kiến của bà, đồng thời bà không biết bà N là ai. Bản thân bà và chồng là Nguyễn Chí T làm ăn riêng, tiền ai nấy xài, bà phụ trách nuôi con và cơm nước trong nhà, chồng bà lo cho mẹ ruột, những khoản khác trong gia đình thì ông T có phụ. Hiện tại vợ chồng bà vẫn còn nợ Ngân hàng và đang bị kiện để đòi nợ. Hiện tại vợ chồng bà vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân. Ông T đã lâu rồi không về nhà, nhà bà hiện nay chỉ có bà, mẹ chồng bà và 02 đứa con đang ở nhà. Vì vậy, khoản nợ của bà N là nợ riêng của ông Nguyễn Chí T, bà không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện hai vợ chồng bà xài riêng về tài chính.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Chí T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Huỳnh E thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn ông T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Huỳnh Thị Huỳnh E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ 300.000.000 đồng. Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại phường An Hội, thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Chí T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bà Lê Thị N yêu cầu ông Nguyễn Chí T, bà Huỳnh Thị Hường E liên đới trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ của việc khởi kiện của bà N là vào ngày 02/10/2022 ông T có làm biên nhận vay của bà N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay là 02 ngày. Ngày 16/10/2022 ông T tiếp tục vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hình thức vay qua điện thoại, bà N đã cHển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản 070055340720 của ông T tại Ngân hàng Sacombank. Sau đó ngày 20/10/2022 ông T tiếp tục vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hình thức vay qua điện thoại, bà N đã cHển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản 070055340720 của ông T tại Ngân hàng Sacombank. Quá trình thực hiện hiện hợp đồng bà N cho rằng ông T không thực hiện đúng như thỏa thuận, không trả lại tiền vay cho bà.

[5] Nhận thấy theo các chứng cứ gồm: Biên nhận do bà N cung cấp cho Tòa án có nội dung ghi người nhận là Nguyễn Chí T với nội dung "*Tôi tên Nguyễn Chí T đ/c 76/764 kp6, phường an Hội Tp. Bến Tre CCCD 083080000645 cấp ngày 25/3/2021 nay tôi mượn chị Lê Thị N số tiền 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) ngày, mừng 07 Al người nhận (ký tên) Nguyễn Chí T*"; Ủy nhiệm chi ngày 16/10/2022 và 20/10/2022; sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn thể hiện thông tin số tài khoản 070035081044 (Lê Thị N) vào ngày 16/10/2022 và ngày 20/10/2022 cHển khoản cho ông T; Văn bản số 66/2023/CV-CNBT ngày 08/3/2023 của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bến Tre cung cấp thông tin về chủ tài khoản thể hiện số tài khoản 070055340720 tên khách hàng là Nguyễn Chí T, CCCD 083080000645 sinh ngày 06/3/1980, địa chỉ 76/764 khu phố 6, phường An Hội, thành phố Bến Tre; Kết luận giám định số 340/2023/KL-KTHS ngày 29/5/2023 của Phòng hình sự Công an tỉnh Bến Tre. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N, vì vậy xE như ông đã từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Qua các chứng nêu trên đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Chí T có vay của bà Lê Thị N số tiền 300.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng ông T không trả cho bà N là vi phạm nghĩa vụ, do đó việc bà N khởi kiện là có căn cứ. Ông Nguyễn Chí T phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Hường E có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả cho bà N số tiền nêu trên. Theo lời trình bày của bà Hường E thì bà làm giáo viên, lo chăm sóc các con và mẹ chồng, ông N làm ăn kinh tế bên ngoài, bà không biết bà N là ai và không có vay tiền của bà N nên bà

không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ cho bà N. Bà Hoàng E thừa nhận hiện tại ông T bà Hoàng E vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng, có nợ chung tại Ngân hàng, trách nhiệm trả nợ là của vợ chồng. Nhận thấy, mặc dù các lần bà N cho ông T vay tiền đều không có chữ ký của bà Hoàng E, người trực tiếp vay tiền là ông T. Tại phiên tòa, bà Hoàng E xác nhận bà và ông T vẫn là vợ chồng sống chung đến đầu năm 2023, sau đó do làm ăn thất bại ông T không còn sống với gia đình. Đồng thời, trong thời gian chung sống ông T có lập công ty riêng để kinh doanh, bà và ông T có thể chấp đất để vay tiền ngân hàng để kinh doanh, lợi nhuận từ việc kinh doanh dùng để mua đất, việc trả nợ ngân hàng là trách nhiệm của ông T, đất là tài sản chung của vợ chồng. Do đó có đủ cơ sở xác định ông T vay tiền của bà N nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại 27 Luật Hôn nhân và gia đình bà Hoàng E phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng.

[7] Về lãi suất chậm trả, bà N không yêu cầu ông T bà Hoàng E trả lãi đối với số tiền chậm trả, xét yêu cầu của bà là tự nguyện nên ghi nhận.

[8] Về chi phí thu thập chứng cứ là 2.250.000 đồng, buộc ông T bà Hoàng E phải chịu nhưng do bà N đã nộp tạm ứng trước nên ông bà phải trả lại cho bà N số tiền này.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông T bà Hoàng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$

- Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 227, 471, 473 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N đối với ông Nguyễn Chí T bà Huỳnh Thị Hoàng E.

Buộc ông Nguyễn Chí T bà Huỳnh Thị Hoàng E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền là 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Chí T bà Huỳnh Thị Hương E phải chịu nhưng do bà Lê Thị N đã nộp tạm ứng trước nên ông T bà Hương E phải trả lại cho bà N số tiền này.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Chí T bà Huỳnh Thị Hương E có trách nhiệm liên đới chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002571 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

